

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 16/9/2020

V/v: T/c hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16/7/2020, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau ngày 26/3/2014 nhưng mãi đến ngày 16/4/2014 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng đoàn tụ ngay và sống chung cùng gia đình anh Thấn. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không còn tình cảm gì. Chị đã bỏ ra ở riêng từ ngày 01/9/2019 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng xác định không hòa giải được nên gia đình hai bên không tiến hành hòa giải. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn T không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có ba con chung là: Nguyễn Văn Đức - sinh ngày 18/12/2013; Nguyễn Đức Toàn – sinh ngày 08/4/2015; Nguyễn Thị Kim Yên – sinh ngày 12/9/2016, hiện nay con chung đang ở với bố. Ly hôn chị đề nghị được nuôi

đưỡng con chung Nguyễn Thị Kim Yến còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Đức và Nguyễn Đức Toàn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung cùng chị. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị không mang thai.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: anh và chị M kết hôn với nhau ngày 26/02/2013(Âm lịch) trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa vào ngày 26/4/2014. Sau khi vợ chồng kết hôn vợ chồng đoàn tụ ngay và chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M không muốn ở với anh nữa nên chị M bỏ đi từ tháng 9/2019 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, vợ chồng chính thức ly hôn từ tháng 9/2019 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng không được gia đình hai bên hòa giải. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị M không còn. Chị M xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là: Nguyễn Văn Đức - sinh ngày 18/12/2013; Nguyễn Đức Toàn – sinh ngày 08/4/2015; Nguyễn Thị Kim Yến – sinh ngày 12/9/2016. Ly hôn chị M đề nghị được nuôi một con chung Nguyễn Thị Kim Yến thì anh không đồng ý. Trong các biên bản làm việc anh cho rằng hiện nay chị M đang ở trọ không có chỗ ở ổn định nên không thể chăm sóc và để con đi học ổn định được, các con anh cũng không muốn ở với mẹ. Tại phiên tòa anh cũng xác định anh cũng không đồng ý để chị M nuôi con vì chị M bỏ đi không chăm sóc con, gia đình anh phải chăm sóc con nên chị M không có quyền nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T cũng không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, yêu cầu chị M phải đóng góp cho anh chị phí nuôi con trong thời gian chị M đi vắng. Vì vậy, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung là Nguyễn Văn Đức; Nguyễn Đức Toàn và Nguyễn Thị Kim Yến. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại phiên tòa chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T và nuôi một con chung là Nguyễn Thị Kim Yến. Anh T đồng ý ly hôn và không đồng ý để chị M nuôi con chung là Nguyễn Thị Kim Yến. Anh T đề nghị được nuôi cả ba con chung. Cả chị M và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác của vợ chồng.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kim Yến, sinh ngày 12/9/2016; giao cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Văn Đức, sinh ngày 18/12/2013; Nguyễn Đức Toàn, sinh ngày 08/4/2015. Chị M và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị M, anh T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003915 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2020 của chị Nguyễn Thị Mđây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: chị M và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T trước Tòa vợ chồng chị M và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn thỏa thuận, thuận tình ly hôn, vì vậy cần áp dụng quy định tại Điều 55 – Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: Chị M và anh T cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn Đức – sinh ngày 18/12/2013; Nguyễn Đức Toàn – sinh ngày 08/04/2015; Nguyễn Thị Kim Yến – sinh ngày 12/9/2016. Hiện nay ba con chung đang ở cùng anh T. Ly hôn chị M đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Kim Yến, anh T đề nghị được nuôi cả ba con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyền và nghĩa vụ nuôi con của cả mẹ và bố là như nhau. Bản thân chị M hiện làm công nhân, thu nhập ổn định. Anh T làm tự do thu nhập ổn định. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giao cho chị M và anh T cùng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là có căn cứ. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng cháu Nguyễn Thị Kim Yến còn nhỏ lại là con gái nên cần được sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ, vì vậy cần giao cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kim Yến – sinh ngày 12/09/2016 và giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng

hai con chung là Nguyễn Văn Đức – sinh ngày 18/12/2013; Nguyễn Đức Toàn – sinh ngày 08/04/2015 là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị M và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[5]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* Chị M và anh T cùng xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kim Yên – sinh ngày 12/9/2016; giao cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Văn Đức – sinh ngày 18/12/2013 và con chung Nguyễn Đức Toàn – sinh ngày 08/04/2015. Chị M và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại và thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003915 ngày 06/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hương Lan

